

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 02-01-2018

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 131/2017/HNST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 355/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Văn Đ, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Thúy M, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Thúy M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy M cưới nhau vào năm 1991, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M ngoại tình nên vợ chồng mâu thuẫn và anh cũng có mối quan hệ

với người phụ nữ khác. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên anh xin được ly hôn.

Về con chung: Có hai con tên Trần Tuấn V, sinh năm 1992 và Trần Thị Kiều C, sinh năm 1996; hiện hai con đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy M trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi cưới chị có kêu anh Đ đi đăng ký kết hôn vào năm 2005 nhưng anh Đ không ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn. Vào năm 2010, anh Đ đi làm xa có quan hệ với người phụ nữ khác đến năm 2015 anh Đ vẫn quen với người phụ nữ đó cho đến nay. Hiện chị còn thương anh Đ nên không đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có hai con tên Trần Tuấn V, sinh năm 1992 và Trần Thị Kiều C, sinh năm 1996; hiện hai con đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 131/2017/HNST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thúy M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/9/2017, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết cho vợ chồng chị đoàn tụ để hàn gắn tình cảm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung: anh Đ và chị M không phải là vợ chồng, do Giấy chứng nhận kết hôn không phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang không công nhận chị M, anh Đ là vợ chồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M không cung cấp thêm chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình

là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy M, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy M thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày thống nhất do tìm hiểu quen biết trước nên anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thúy M tổ chức lễ cưới vào năm 1991. Sau khi cưới thì anh – chị sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo anh Đ trình bày là do chị M có quan hệ ngoại tình, chị M thì cho rằng anh Đ đi làm ăn xa cũng có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay anh Đ yêu cầu được ly hôn, chị M thì không đồng ý. Xét thấy, anh Đ và chị M xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1991, đến năm 2005 thì chị M đi đăng ký kết hôn, nhưng anh Đ thì không đồng ý đăng ký kết hôn. Cho nên, Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01 do Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ký ngày 14/3/2005 không có chữ ký của anh Đ. Như vậy, tờ giấy kết hôn này không có giá trị về mặt pháp lý. Anh Đ và chị M cùng xác định khi đăng ký kết hôn thì chị M chỉ đi một mình, anh Đ không đồng ý việc kết hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M cũng xác định vào năm 2005 do cần vay vốn ngân hàng nên chị nhờ tổ vay vốn làm dùm Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, thực tế anh Đ không có đi đăng ký kết hôn cùng chị tại chính quyền địa phương. Cho nên, theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị M và anh Đ xem là không có giá trị pháp lý. Căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì chị Nguyễn Thị Thúy M và anh Trần Văn Đ không được công nhận là vợ chồng. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử không công nhận anh Đ và chị M là vợ chồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 131/2017/HNST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về án phí phúc thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thúy M, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 131/2017/HNST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị Thúy M.

Về án phí:

- Anh Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 34995 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như anh Đ đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Thúy M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị M đã nộp theo biên lai thu số 35637 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như chị M đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC.THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt